

Công ty Cổ phần Nam Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2007

Công ty Cổ phần Nam Việt
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh số**

5203000050

Ngày 2 tháng 10 năm 2006
và điều chỉnh ngày 5 tháng 10 năm 2006
và ngày 1 tháng 8 năm 2007

Hội đồng Quản trị

Ông Doãn Tới
Bà Dương Thị Kim Hương
Ông Doãn Chí Thanh
Ông Nguyễn Duy Nhứt
Ông Đỗ Lập Nghiệp
Ông Đặng Văn Diễm
Ông Nguyễn Thừa Bữu
Ông Doãn Quốc Xã

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Doãn Tới
Bà Dương Thị Kim Hương
Ông Nguyễn Duy Nhứt
Ông Nguyễn Thừa Bữu
Ông Đỗ Lập Nghiệp
Ông Đặng Văn Diễm
Ông Doãn Quốc Xã
Ông Doãn Văn Nho

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính
Giám đốc Kỹ thuật
Giám đốc Điều hành
Giám đốc Kinh doanh
Giám đốc Cơ khí
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

19D Trần Hưng Đạo
Phường Mỹ Quý
Tỉnh An Giang
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Nam Việt và các công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Nam Việt ("the Company") và các công ty con (sau đây được gọi là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 6 năm 2007 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất liên quan, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 3 đến trang 31. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày thành lập 2 tháng 10 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 chưa được kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của ban lãnh đạo Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy phép đầu tư số: 863/GP

Báo cáo kiểm toán số: 07-01-160



Chông Kwang Puay

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh

16 NOV 2007

Hà Vũ Định

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

Công ty Cổ phần Nam Việt

Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2007 VNĐ'000	31/12/2006 VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.037.606.074	920.577.186
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	57.840.306	85.916.204
Tiền	111		57.840.306	85.916.204
Các khoản phải thu - ngắn hạn	130	4	787.172.617	625.429.258
Phải thu – thương mại	131		392.144.315	420.301.450
Trả trước cho người bán	132		40.911.066	9.168.163
Phải thu nội bộ	133		345.387.524	186.131.637
Các khoản phải thu khác	135		18.009.966	15.148.540
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	139		(9.280.254)	(5.320.532)
Hàng tồn kho	140	5	136.949.115	196.905.352
Hàng tồn kho	141		142.642.695	196.905.352
Dự phòng hàng tồn kho	149		(5.693.580)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		55.644.036	12.326.372
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		405.898	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.370.874	673
Tài sản ngắn hạn khác	158	6	25.867.264	12.325.699
Tài sản dài hạn	200		338.786.424	184.943.928
Tài sản cố định	220		178.488.534	159.220.305
Tài sản cố định hữu hình	221	7	122.188.481	119.781.078
Nguyên giá	222		196.483.382	178.432.993
Khấu hao lũy kế	223		(74.294.901)	(58.651.915)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	8	-	22.015.857
Nguyên giá	225		-	24.503.673
Khấu hao lũy kế	226		-	(2.487.816)
Intangible fixed assets	227	9	16.291.399	11.981.697
Nguyên giá	228		16.356.543	12.105.017
Phân bổ lũy kế	229		(65.144)	(123.320)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	40.008.654	5.441.673
Đầu tư dài hạn	250	11	135.023.000	10.000
Đầu tư dài hạn khác	258		135.023.000	10.000

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nam Việt

Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2007 VNĐ'000	31/12/2006 VNĐ'000
Tài sản dài hạn khác	260		25.274.890	25.713.623
Tài sản thuế hoãn lại	262	12	1.839.566	1.160.637
Tài sản dài hạn khác	268		23.435.324	24.552.986
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.376.392.498	1.105.521.114
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		474.127.165	375.603.728
Nợ ngắn hạn	310		440.097.850	319.375.353
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	369.394.922	187.683.761
Phải trả – thương mại	312		29.784.679	90.449.942
Tạm ứng từ khách hàng	313		6.524.780	2.556.502
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	11.554.614	3.751.475
Phải trả công nhân viên	315		6.641.883	7.226.036
Chi phí trích trước	316	15	3.225.648	6.000.000
Phải trả nội bộ	317	16	7.436.916	10.326.049
Phải trả khác	319	17	5.534.408	11.381.588
Vay và nợ dài hạn	330		34.029.315	56.228.375
Vay và nợ dài hạn	334	19	33.833.133	55.942.532
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	196.182	285.843
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		902.265.333	729.917.386
Vốn chủ sở hữu	410		899.429.178	729.527.864
Vốn cổ phần	411	20	600.000.000	600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		299.429.178	129.527.864
Quỹ khác	430		2.836.155	389.522
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		2.836.155	389.522
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.376.392.498	1.105.521.114

Người lập:



Doãn Văn Nho
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Doãn Tới
Tổng Giám đốc



16 NOV 2007


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nam Việt

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007


	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	21	1.781.701.911	918.746.645
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	(5.612.606)	(12.602.927)
Doanh thu thuần	10		1.776.089.305	906.143.718
Giá vốn hàng bán	11	22	(1.411.839.186)	(693.100.704)
Lợi nhuận gộp	20		364.250.119	213.043.014
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	27.957.682	5.162.337
Chi phí hoạt động tài chính	22	24	(25.442.502)	(5.787.182)
Chi phí bán hàng	24		(155.188.042)	(76.759.581)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(21.613.238)	(10.035.481)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		189.964.019	125.623.107
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	25	14.614.184	48.428.208
Chi phí khác	32	26	(12.050.197)	(45.194.088)
Lợi nhuận trước thuế	50		192.528.006	128.857.227
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	51	27	(20.144.729)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	52	27	678.929	1.160.637
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		173.062.206	130.017.864

Người lập:


Doãn Văn Nho
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Doãn Tới
Tổng Giám đốc

16 NOV 2007

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nam Việt

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007

	Vốn cổ phần VND'000	Tiền thưởng và quỹ phúc lợi VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư ngày 2 tháng 10 năm 2006	-	-	-	-
Chuyển từ công ty TNHH	509.500.000	392.488	-	509.892.488
Cổ phiếu đã phát hành	90.500.000	-	-	90.500.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	130.017.864	130.017.864
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	490.000	(490.000)	-
Trả trong kỳ	-	(492.966)	-	(492.966)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007	600.000.000	389.522	129.527.864	729.917.386
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	173.062.206	173.062.206
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	3.160.892	(3.160.892)	-
Trả trong kỳ	-	(714.259)	-	(714.259)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2007	600.000.000	2.836.155	299.429.178	902.265.333

Người lập:


Doãn Văn Nho
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Doãn Tới
Tổng Giám đốc

16 NOV 2007

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nam Việt**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007**

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		192.528.006	128.857.227
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		14.569.579	7.896.509
Dự phòng	03		9.653.302	2.661.674
Lỗ/(lợi nhuận) từ hoạt động đầu tư	05		212.873	(1.560.807)
Chi phí lãi vay	06		16.847.570	4.229.938
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		233.811.330	142.084.541
Tăng các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(11.963.393)	(83.393.970)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		54.262.657	(71.048.127)
Giảm các khoản phải trả và nợ khác	11		(72.448.320)	(77.277.736)
			203.662.274	(89.635.292)
Lãi vay đã trả	13		(16.847.570)	(4.229.938)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9.488.993)	-
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20		177.325.711	(93.865.230)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(45.396.014)	(19.394.532)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		11.345.333	46.720.780
Tăng tài sản dài hạn khác	23		(133.895.338)	(302)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu tư	30		(167.946.019)	27.325.946

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VND'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ vốn góp	31		-	90.500.000
Khoản vay cho các bên liên quan	32		(197.057.352)	-
Thu từ các khoản vay ngắn và dài hạn	33		481.500.000	66.200.369
Chi trả nợ gốc và nợ thuê tài chính	34		(321.898.238)	(23.121.269)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính	40		(37.455.590)	133.579.100
Tiền thuần lưu chuyển trong kỳ	50		(28.075.898)	67.039.816
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		85.916.204	-
Tiền mặt chuyển từ công ty TNHH	61		-	18.876.388
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	57.840.306	85.916.204

Người duyệt:

Đoàn Tối
Tổng Giám đốc

~~16 NOV 2007~~

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm

1. Hoạt động chính

Công ty Cổ phần Nam Việt (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; nuôi cá, sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; sản xuất bao bì giấy, in bao bì các loại, sản xuất dầu bio-diesel; chế biến dầu cá và bột cá; sản xuất keo gentaline và glycerine theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000050 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 2 tháng 10 năm 2006 và được điều chỉnh vào ngày 5 tháng 10 năm 2006 và ngày 1 tháng 8 năm 2007 (sau đây được gọi là “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh”).

Công ty được thành lập từ việc chuyển thể Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nam Việt, một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam thành công ty cổ phần vào ngày 2 tháng 10 năm 2006. Tất cả tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Việt được chuyển giao sang Công ty theo giá trị ghi sổ tại ngày chuyển thể.

Tổng số vốn pháp định của Công ty được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 600.000.000.000 VNĐ. Sau ngày lập bảng cân đối kế toán, tổng số vốn pháp định của Công ty tăng từ 600.000.000.000 VNĐ lên 660.000.000.000 VNĐ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 1 tháng 8 năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 liên quan đến Công ty và công ty con, Công ty TNHH Ấn Độ Dương (gọi chung là “Tập đoàn”).

Chi tiết của các công ty con được thành lập tại Việt Nam như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Sở hữu vốn pháp định bởi Công ty	
			% sở hữu trong giấy phép của công ty con	Số tiền VNĐ'000
Công ty TNHH Ấn Độ Dương	Chăn nuôi thủy sản, sản xuất bao bì giấy, chế biến dầu cá và bột cá, sản xuất keo gentaline, glycerine và dầu bio-diesel	Số 5704000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 10 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh	100%	36.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2007 Công ty có 4.556 nhân viên (2006: 5.393 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng ngàn Đồng Việt Nam ("VND'000"), được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được áp dụng một cách nhất quán bởi Tập đoàn và nhất quán với chính sách sử dụng trong những năm trước.

Sổ sách kế toán của Tập đoàn được lập dựa theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

(b) Cơ sở của hợp nhất báo cáo tài chính

(i) Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu quyền kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Số dư giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ phải được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(c) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư như được xác định trong trường hợp chưa lập dự phòng.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 7 năm
▪ đồ đạc và lắp đặt	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 7 năm

(j) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu trong các điều khoản của hợp đồng Công ty chấp nhận phần lớn tất cả các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao tài sản thuê được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê nhất quán với thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(i)(ii).

(k) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất lâu dài

Quyền sử dụng đất lâu dài được phản ánh theo nguyên giá và không được trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(l) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Các khoản thanh toán về thuê hoạt động

Các khoản thanh toán về thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ.

(s) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các chủ đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của họ.

(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Ngày 30/6/2007 VNĐ'000	Ngày 31/12/2006 VNĐ'000
Tiền mặt	21.150.935	14.847.528
Tiền gửi ngân hàng	36.689.371	71.068.676
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.840.306	85.916.204

Bao gồm trong tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2007 có số tiền khác VNĐ tương đương 6.318 triệu VNĐ (2006: 60.773 triệu VNĐ).

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2007 bao gồm 25.638 triệu VNĐ (2006: 32.284 triệu VNĐ) đã được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu – ngắn hạn

Khoản phải thu nội bộ bao gồm:

	Ngày 30/6/2007 VNĐ'000	Ngày 31/12/2006 VNĐ'000
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	77.664.311	126.671.637
Phi thương mại	267.723.213	59.460.000
	<hr/>	<hr/>
	345.387.524	186.131.637

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và không có thời hạn hoàn trả ấn định, ngoại trừ 256.517 triệu VNĐ (2006: 59.460 triệu VNĐ) chịu lãi suất tháng là 1% trong kỳ (2006: 1%).

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	Ngày 30/6/2007 VNĐ'000	Ngày 31/12/2006 VNĐ'000
Các khoản cho vay phải thu (a)	15.848.154	12.182.592
Các khoản phải thu khác	2.161.812	2.965.948
	<hr/>	<hr/>
	18.009.966	15.148.540

- a. Khoản phải thu này thể hiện các khoản cho nhân viên vay không được bảo đảm và chịu lãi suất tháng là 1,5% (2006: 1,5%) trong kỳ.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Số dư đầu kỳ	5.320.532	-
Chuyển từ công ty trách nhiệm hữu hạn	-	6.493.015
Tăng dự phòng trong kỳ	3.959.722	2.661.674
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(3.834.157)
	<hr/>	<hr/>
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	9.280.254	5.320.532

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2007 toàn bộ các khoản phải thu đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (2006: toàn bộ).

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	Ngày 30/6/2007 VND'000	Ngày 31/12/2006 VND'000
Nguyên vật liệu	7.630.050	10.504.760
Công cụ và dụng cụ	471.774	566.352
Chi phí sản xuất dở dang	25.543	98.308
Thành phẩm	134.440.365	185.735.932
Hàng tồn kho	74.963	-
	142.642.695	196.905.352
Dự phòng hàng tồn kho	(5.693.580)	-
	136.949.115	196.905.352

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VND'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng dự phòng trong kỳ	5.693.580	-
Số dư cuối kỳ	5.693.580	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2007 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ được mang sang là 120.000 triệu VND (2006: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Ngày 30/6/2007 VND'000	Ngày 31/12/2006 VND'000
Tạm ứng	10.650.917	12.325.699
Ký quỹ ngắn hạn	15.216.347	-
	25.867.264	12.325.699

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Máy móc và thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	72.708.589	2.854.035	92.620.021	10.250.348	178.432.993
Tăng trong kỳ	-	1.825.865	423.550	3.979.497	6.228.912
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	-	24.521.477	-	24.521.477
Thanh lý	(12.700.000)	-	-	-	(12.700.000)
Số dư cuối kỳ	60.008.589	4.679.900	117.565.048	14.229.845	196.483.382
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	24.312.317	1.131.427	30.785.801	2.422.370	58.651.915
Khấu hao trong kỳ	4.894.654	324.498	7.664.443	1.040.336	13.923.931
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	-	3.073.722	-	3.073.722
Thanh lý	(1.354.667)	-	-	-	(1.354.667)
Số dư cuối kỳ	27.852.304	1.455.925	41.523.966	3.462.706	74.294.901
Giá trị còn lại					
Số dư cuối kỳ	32.156.285	3.223.975	76.041.082	10.767.139	122.188.481
Số dư đầu kỳ	48.396.272	1.722.608	60.913.220	8.748.978	119.781.078

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có số tài sản với nguyên giá là 6.006 triệu VNĐ (2006: 6.006 triệu VNĐ) đã khấu hao hết tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2007 nhưng vẫn còn được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2007 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ được mang sang là 86.483 triệu VNĐ (2006: 64.832 triệu VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VNĐ'000
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	24.503.673
Tăng trong kỳ	17.804
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(24.521.477)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>
Khấu hao lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.487.816
Khấu hao trong kỳ	585.906
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.073.722)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư cuối kỳ	-
Số dư đầu kỳ	22.015.857
	<hr/>

Công ty Cổ phần Nam Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)****9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VNĐ'000	Phần mềm vi tính VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	11.683.972	421.045	12.105.017
Tăng trong kỳ	23.100	58.284	81.384
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.500.933	-	4.500.933
Xóa sổ	-	(330.791)	(330.791)
Số dư cuối kỳ	16.208.005	148.538	16.356.543
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	123.320	123.320
Phân bổ trong kỳ	-	59.742	59.742
Xóa sổ	-	(117.918)	(117.918)
Số dư cuối kỳ	-	65.144	65.144
Giá trị còn lại			
Số dư cuối kỳ	16.208.005	83.394	16.291.399
Số dư đầu kỳ	11.683.972	297.725	11.981.697

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Số dư đầu kỳ	5.441.673	2.647.018
Tăng trong kỳ	39.067.914	2.794.655
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(4.500.933)	-
Số dư cuối kỳ	40.008.654	5.441.673

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

11. Đầu tư

	Ngày 30/6/2007 VND'000	Ngày 31/12/2006 VND'000
Đầu tư dài hạn vào:		
▪ Ngân hàng Cổ phần Nông thôn Mỹ Xuyên	135.000.000	-
Trái phiếu kho bạc dài hạn	23.000	10.000
	<hr/> 135.023.000	<hr/> 10.000

12. Tài sản và nợ thuế dài hạn

(i) Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Ngày 30/6/2007 VND'000	Ngày 31/12/2006 VND'000
Dự phòng	1.517.001	560.637
Trích trước	322.565	600.000
	<hr/> 1.839.566	<hr/> 1.160.637

Các khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ không hết hiệu lực theo luật thuế hiện hành.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Ngày 30/6/2007 VNĐ'000	Ngày 31/12/2006 VNĐ'000
Vay ngắn hạn		
Khoản vay 1 từ VCB – Chi nhánh An Giang (a)	11.000.000	35.800.000
Khoản vay 2 từ BIDV – Chi nhánh An Giang (b)	71.373.676	119.816.735
Khoản vay 3 từ Hội sở chính ACB (c)	34.203.246	10.403.640
Khoản vay 4 từ Bà Dương Thị Kim Hương (Phó Tổng Giám Đốc và cổ đông) (d)	230.000.000	-
Khoản vay 5 từ Công ty Liên doanh Thủy sản Biển Đông (e)	4.669.000	-
Các nguồn khác	485.000	485.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	17.664.000	17.664.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	3.514.386
	<hr/>	<hr/>
	369.394.922	187.683.761

- a. Khoản vay 1 được bảo đảm bởi quyền sử dụng đất riêng của Ông Doãn Tới, Tổng Giám Đốc và cổ đông. Khoản vay này chịu lãi suất năm 10,32% (2006: 10,8%) trong kỳ..
- b. Khoản vay 2 được bảo đảm bởi tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2007 là 48.483 triệu VNĐ (2006: 26.143 triệu VNĐ), tài khoản tiền gửi tại ngân hàng BIDV – Chi nhánh An Giang, các ngân hàng khác và các tổ chức tài chính, và các khoản thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 6,15% (2006: 6%) trong kỳ.
- c. Khoản vay 3 được bảo đảm bởi Ông Doãn Tới, Tổng Giám Đốc và cổ đông, Bà Dương Thị Kim Hương, Phó Tổng Giám Đốc và cổ đông, và hàng tồn kho có giá trị 120.000 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 6,36% (2006: 6,36%) trong kỳ.
- d. Khoản vay 4 không được bảo đảm và chịu lãi suất năm là 12% trong kỳ.
- e. Khoản vay 5 không được bảo đảm và chịu lãi suất năm là 6,15% trong kỳ.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	Ngày 30/6/2007 VND'000	Ngày 31/12/2006 VND'000
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	-	3.035.171
Thuế xuất nhập khẩu	860.988	665.173
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.655.736	-
Thuế thu nhập cá nhân	23.118	42.587
Thuế khác	14.772	8.544
	<hr/> 11.554.614	<hr/> 3.751.475

15. Chi phí trích trước

	Ngày 30/6/2007 VND'000	Ngày 31/12/2006 VND'000
Lương tháng 13	3.225.648	6.000.000
	<hr/>	<hr/>

16. Phải trả nội bộ

	Ngày 30/6/2007 VND'000	Ngày 31/12/2006 VND'000
Khoản phải trả cho các công ty liên quan		
Thương mại	-	10.326.049
Phi thương mại	7.436.916	-
	<hr/> 7.436.916	<hr/> 10.326.049

Các khoản phi thương mại phải trả cho các công ty liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và không có thời hạn hoàn trả ấn định.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

17. Các khoản phải trả khác

Khoản phải trả khác bao gồm:

	Ngày 30/6/2007 VND'000	Ngày 31/12/2006 VND'000
Mua hàng chưa nhận được hóa đơn	2.796.095	4.953.781
Bảo hiểm xã hội	247.076	481.667
Bảo hiểm y tế	41.938	67.309
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.450.122
Khoản phải trả khác	2.449.299	3.428.709
	<hr/>	<hr/>
	5.534.408	11.381.588

18. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trong kỳ như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND'000
Số dư đầu kỳ	285.843
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(89.661)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	196.182

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi một nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên và tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó theo số năm làm việc của người đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được tính trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

19. Vay và nợ dài hạn

	Ngày 30/6/2007 VND'000	Ngày 31/12/2006 VND'000
Vay dài hạn		
Quỹ hỗ trợ An Giang (a)	51.497.133	60.329.133
Nợ thuê tài chính	-	16.791.785
	51.497.133	77.120.918
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(17.664.000)	(21.178.386)
	33.833.133	55.942.532

- a. Khoản vay này được bảo đảm bởi khoản ký quỹ cố định 23.400 triệu VNĐ (2006: 23.400 triệu VNĐ) và tài sản có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2007 là 38.000 triệu VNĐ (2006: 38.689 triệu VNĐ) được thế chấp cho bên cho vay. Khoản vay này chịu lãi suất năm là 5,4% (2005: 5,4%) trong kỳ.

Các khoản vay dài hạn sẽ được hoàn trả dựa vào hợp đồng vay theo lịch trình sau:

Năm hoàn trả	VND'000
2007	17.664.000
2008	17.664.000
2009	16.169.133
	51.497.133

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

20. Vốn góp

The Company's authorised and issued share capital are:

	Ngày 30/6/2007		Ngày 31/12/2006	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt	60.000.000	600.000.000	60.000.000	600.000.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	60.000.000	600.000.000	60.000.000	600.000.000

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động về vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007		Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Số dư đầu kỳ	60.000.000	600.000.000	-	-
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-	60.000.000	600.000.000
Số dư cuối kỳ	60.000.000	600.000.000	60.000.000	600.000.000

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

21. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Tổng doanh thu	1.781.701.911	918.746.645
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(3.335.461)	(12.602.927)
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.277.145)	-
Doanh thu thuần	1.776.089.305	906.143.718

22. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Bán thành phẩm	1.411.839.186	693.100.704

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	17.272.556	-
▪ Các ngân hàng	3.304.198	57.919
▪ Các bên khác	3.269.051	2.461.038
Lãi do chênh lệch tỷ giá	4.111.877	2.643.380
	<hr/>	<hr/>
	27.957.682	5.162.337

24. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Chi phí lãi vay phải trả cho		
▪ Các bên liên quan	8.860.595	-
▪ Các ngân hàng	7.400.550	4.229.938
▪ Các bên khác	586.425	-
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	8.594.932	1.557.244
	<hr/>	<hr/>
	25.442.502	5.787.182

25. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	11.345.333	46.720.780
Các khoản khác	3.268.851	1.707.428
	<hr/>	<hr/>
	14.614.184	48.428.208

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

26. Chi phí khác

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VND'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được thanh lý và xóa sổ	11.558.206	45.159.973
Chi phí khác	491.991	34.115
	<hr/>	<hr/>
	12.050.197	45.194.088

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VND'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	13.256.170	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.888.559	-
	<hr/>	<hr/>
	20.144.729	-
 Chi phí/(thu nhập) thuế hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(678.929)	(1.160.637)
	<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	<hr/> 19.465.800	<hr/> (1.160.637)

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

		Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VND'000		Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VND'000
Lợi nhuận trước thuế		192.528.006		128.857.227
Thuế theo thuế suất thuế TNDN áp dụng	20,0%	38.505.601	20,0%	25.771.445
Thu nhập không chịu thuế	(0,3%)	(532.178)	-	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trong những năm trước	-	-	(1,0%)	(1.291.490)
Ảnh hưởng của việc miễn thuế	(13,2%)	(25.396.182)	(20,0%)	(25.640.592)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	3,6%	6.888.559	-	-
	10,1%	19.465.800	(1,0%)	(1.160.637)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CN.UN do Ủy ban Nhân Dân tỉnh An Giang cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và Công Văn số 2657/CT.TTr2 do Cục Thuế tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế TNDN bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế và được miễn thuế TNDN trong năm 2002 và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN kể từ năm 2003 đến 2006.

Công ty cũng được giảm 50% thuế TNDN trên các phần lợi nhuận từ doanh thu xuất khẩu nếu doanh thu xuất khẩu vượt năm trước.

Hơn nữa, Công ty cũng nhận được hưởng các ưu đãi thuế từ hoạt động tái đầu tư như sau:

Giấy phép chứng nhận ưu đãi đầu tư	Thuế ưu đãi
Quyết định 125/CN.UB ngày 25/7/2002	Miễn thuế TNDN trong năm 2003 và giảm 50% từ năm 2004 đến 2007 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới
Quyết định 51/CN.UB ngày 29/8/2003	Miễn thuế TNDN trong năm 2004 và giảm 50% từ năm 2005 đến 2008 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới
Quyết định 70/CN.UB ngày 16/8/2004	Miễn thuế TNDN trong năm 2005 và giảm 50% từ năm 2006 đến 2009 dựa trên lợi nhuận thu từ đầu tư mới

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ, cùng với phần vốn góp được đề cập trong thuyết minh 19, có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty liên quan	Mua sản phẩm chế biến Bán thành phẩm Cho vay	368.241.633 51.922.512 737.500.000	29.897.243 - 5.000.000
Công ty TNHH Thiên Thanh	Công ty liên quan	Cho vay	24.000.000	-
Dương Thị Kim Hương	Cổ đông	Vay Thanh lý tài sản cố định	251.500.000 11.345.333	- -
Doãn Chí Thanh	Cổ đông	Cho vay	4.200.000	-

29. Các cam kết***Chi tiêu vốn***

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2007 Công ty có các cam kết chi tiêu vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	Ngày 30/6/2007 VNĐ'000	Ngày 31/12/2006 VNĐ'000
Được duyệt và đã ký hợp đồng	43.580.495	5.727.335

Công ty Cổ phần Nam Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2007 (tiếp theo)

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2007 đến 30/6/2007 VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 VNĐ'000
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.331.336.807	605.334.168
Chi phí nhân công và nhân viên	41.876.719	28.391.554
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.569.579	7.896.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.949.517	133.227.336
Các chi phí khác	2.445.335	5.046.199

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của kỳ trước là cho giai đoạn từ ngày thành lập Công ty 2 tháng 10 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006.

Người lập:



Doan Văn Nho
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Doan Tới
Tổng Giám đốc

16 NOV 2007

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán)

Một vài số liệu so sánh trong bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Nam Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh liên quan cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 10 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại và các lỗi điều chỉnh của kỳ trước như sau:

Bảng cân đối kế toán	31/12/2006 (đã trình bày trước đây) VNĐ'000	Phân loại lại VNĐ'000	Điều chỉnh VNĐ'000	31/12/2006 (trình bày lại) VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	846.440.861	70.826.299	1.317.935	918.585.095
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.386.137	-	-	85.386.137
Tiền	85.386.137	-	-	85.386.137
Các khoản phải thu - ngắn hạn	553.141.608	70.826.299	-	623.967.907
Phải thu – thương mại	547.732.984	(127.431.534)	-	420.301.450
Trả trước cho người bán	8.623.105	(916.293)	-	7.706.812
Phải thu nội bộ	-	186.131.637	-	186.131.637
Các khoản phải thu khác	2.106.051	13.042.489	-	15.148.540
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	(5.320.532)	-	-	(5.320.532)
Hàng tồn kho	195.587.417	-	1.317.935	196.905.352
Hàng tồn kho	195.587.417	-	1.317.935	196.905.352
Dự phòng hàng tồn kho	-	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	12.325.699	-	-	12.325.699
Tài sản ngắn hạn khác	12.325.699	-	-	12.325.699
Tài sản dài hạn	256.571.681	(70.796.299)	1.160.637	186.936.019
Tài sản cố định	158.221.661	946.293	-	159.167.954
Tài sản cố định hữu hình	114.696.434	5.084.644	-	119.781.078
Nguyên giá	172.525.084	5.907.909	-	178.432.993
Khấu hao lũy kế	(57.828.650)	(823.265)	-	(58.651.915)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	22.015.857	-	-	22.015.857
Nguyên giá	24.503.673	-	-	24.503.673
Khấu hao lũy kế	(2.487.816)	-	-	(2.487.816)
Tài sản cố định vô hình	12.414.346	(432.649)	-	11.981.697
Nguyên giá	16.620.588	(4.515.571)	-	12.105.017
Phân bổ lũy kế	(4.206.242)	4.082.922	-	(123.320)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.095.024	(3.705.702)	-	5.389.322
Đầu tư dài hạn	73.797.336	(71.742.592)	-	2.054.744
Đầu tư dài hạn khác	73.797.336	(71.742.592)	-	2.054.744

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán	31/12/2006 (đã trình bày trước đây) VNĐ'000	Phân loại lại VNĐ'000	Điều chỉnh VNĐ'000	31/12/2006 (trình bày lại) VNĐ'000
Tài sản dài hạn khác	24.552.684	-	1.160.637	25.713.321
Tài sản thuế hoãn lại	-	-	1.160.637	1.160.637
Tài sản dài hạn khác	24.552.684	-	-	24.552.684
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.103.012.542	30.000	2.478.572	1.105.521.114
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	377.653.287	236.182	(2.285.741)	375.603.728
Nợ ngắn hạn	321.424.912	236.182	(2.285.741)	319.375.353
Vay và nợ ngắn hạn	187.683.761	-	-	187.683.761
Khoản phải trả thương mại	99.428.056	(10.296.049)	1.317.935	90.449.942
Tạm ứng từ khách hàng	2.556.502	-	-	2.556.502
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	7.355.151	-	(3.603.676)	3.751.475
Phải trả nhân viên	7.226.036	-	-	7.226.036
Chi phí trích trước	6.000.000	-	-	6.000.000
Phải trả nội bộ	-	10.326.049	-	10.326.049
Phải trả khác	11.175.406	206.182	-	11.381.588
Vay và nợ dài hạn	56.228.375	-	-	56.228.375
Vay và nợ dài hạn	55.942.532	-	-	55.942.532
Dự phòng trợ cấp thôi việc	285.843	-	-	285.843
VỐN CHỦ SỞ HỮU	725.359.255	(206.182)	4.764.313	729.917.386
Vốn chủ sở hữu	724.969.733	(206.182)	4.764.313	729.527.864
Vốn cổ phần	600.206.182	(206.182)	-	600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	124.763.551	-	4.764.313	129.527.864
Quỹ khác	389.522	-	-	389.522
Quỹ khen thưởng phúc lợi	389.522	-	-	389.522
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.103.012.542	30.000	2.478.572	1.105.521.114

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 (đã trình bày trước đây) VNĐ'000	Phân loại lại VNĐ'000	Điều chỉnh VNĐ'000	Từ 2/10/2006 đến 31/12/2006 (trình bày lại) VNĐ'000
Tổng doanh thu	918.746.645	-	-	918.746.645
Các khoản giảm trừ doanh thu	(12.602.927)	-	-	(12.602.927)
Doanh thu thuần	906.143.718	-	-	906.143.718
Giá vốn hàng bán	(693.100.704)	-	-	(693.100.704)
Lợi nhuận gộp	213.043.014	-	-	213.043.014
Doanh thu hoạt động tài chính	5.162.337	-	-	5.162.337
Chi phí hoạt động tài chính	(5.787.182)	-	-	(5.787.182)
Chi phí bán hàng	(76.759.581)	-	-	(76.759.581)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.035.481)	-	-	(10.035.481)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	125.623.107	-	-	125.623.107
Kết quả của các hoạt động khác				
Thu nhập khác	48.238.208	-	190.000	48.428.208
Chi phí khác	(45.194.088)	-	-	(45.194.088)
Lợi nhuận trước thuế	128.667.227	-	190.000	128.857.227
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	(3.603.676)	-	3.603.676	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	-	1.160.637	1.160.637
Lợi nhuận thuần sau thuế	125.063.551	-	4.954.313	130.017.864

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Nam Việt và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất liên quan cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 10 năm 2006 đến ngày 31 tháng 10 năm 2006 được lập như sau:

Bảng cân đối kế toán	Công ty VNĐ'000	Công ty con VNĐ'000	Điều chỉnh hợp nhất VNĐ'000	Tập đoàn VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	918.585.095	1.992.091	-	920.577.186
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.386.137	530.067	-	85.916.204
Tiền	85.386.137	530.067	-	85.916.204
Các khoản phải thu - ngắn hạn	623.967.907	1.461.351	-	625.429.258
Phải thu – thương mại	420.301.450	-	-	420.301.450
Trả trước cho người bán	7.706.812	1.461.351	-	9.168.163
Phải thu nội bộ	186.131.637	-	-	186.131.637
Các khoản phải thu khác	15.148.540	-	-	15.148.540
Dự phòng phải thu nợ khó đòi	(5.320.532)	-	-	(5.320.532)
Hàng tồn kho	196.905.352	-	-	196.905.352
Hàng tồn kho	196.905.352	-	-	196.905.352
Dự phòng hàng tồn kho	-	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	12.325.699	673	-	12.326.372
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	673	-	673
Tài sản ngắn hạn khác	12.325.699	-	-	12.325.699
Tài sản dài hạn	186.936.019	52.653	(2.044.744)	184.943.928
Tài sản cố định	159.167.954	52.351	-	159.220.305
Tài sản cố định hữu hình	119.781.078	-	-	119.781.078
Nguyên giá	178.432.993	-	-	178.432.993
Khấu hao lũy kế	(58.651.915)	-	-	(58.651.915)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	22.015.857	-	-	22.015.857
Nguyên giá	24.503.673	-	-	24.503.673
Khấu hao lũy kế	(2.487.816)	-	-	(2.487.816)
Tài sản cố định vô hình	11.981.697	-	-	11.981.697
Nguyên giá	12.105.017	-	-	12.105.017
Phân bổ lũy kế	(123.320)	-	-	(123.320)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.389.322	52.351	-	5.441.673
Đầu tư dài hạn	2.054.744	-	(2.044.744)	10.000
Đầu tư dài hạn khác	2.054.744	-	(2.044.744)	10.000

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán	Công ty VNĐ'000	Công ty con VNĐ'000	Điều chỉnh hợp nhất VNĐ'000	Tập đoàn VNĐ'000
Tài sản dài hạn khác	25.713.321	302	-	25.713.623
Tài sản thuế hoãn lại	1.160.637	-	-	1.160.637
Tài sản dài hạn khác	24.552.684	302	-	24.552.986
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.105.521.114	2.044.744	(2.044.744)	1.105.521.114
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	375.603.728	-	-	375.603.728
Nợ ngắn hạn	319.375.353	-	-	319.375.353
Vay và nợ ngắn hạn	187.683.761	-	-	187.683.761
Phải trả – thương mại	90.449.942	-	-	90.449.942
Tạm ứng từ khách hàng	2.556.502	-	-	2.556.502
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	3.751.475	-	-	3.751.475
Phải trả công nhân viên	7.226.036	-	-	7.226.036
Chi phí trích trước	6.000.000	-	-	6.000.000
Phải trả nội bộ	10.326.049	-	-	10.326.049
Phải trả khác	11.381.588	-	-	11.381.588
Vay và nợ dài hạn	56.228.375	-	-	56.228.375
Vay và nợ dài hạn	55.942.532	-	-	55.942.532
Dự phòng trợ cấp thôi việc	285.843	-	-	285.843
VỐN CHỦ SỞ HỮU	729.917.386	2.044.744	(2.044.744)	729.917.386
Vốn chủ sở hữu	729.527.864	2.044.744	(2.044.744)	729.527.864
Vốn cổ phần	600.000.000	2.044.744	(2.044.744)	600.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	129.527.864	-	-	129.527.864
Quỹ khác	389.522	-	-	389.522
Quỹ khen thưởng phúc lợi	389.522	-	-	389.522
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.105.521.114	2.044.744	(2.044.744)	1.105.521.114

Công ty Cổ phần Nam Việt
Báo cáo quản trị (không kiểm toán) (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Công ty VNĐ'000	Công ty con VNĐ'000	Điều chỉnh hợp nhất VNĐ'000	Tập đoàn VNĐ'000
Tổng doanh thu	918.746.645	-	-	918.746.645
Các khoản giảm trừ doanh thu	(12.602.927)	-	-	(12.602.927)
Doanh thu thuần	906.143.718	-	-	906.143.718
Giá vốn hàng bán	(693.100.704)	-	-	(693.100.704)
Lợi nhuận gộp	213.043.014	-	-	213.043.014
Doanh thu hoạt động tài chính	5.162.337	-	-	5.162.337
Chi phí hoạt động tài chính	(5.787.182)	-	-	(5.787.182)
Chi phí bán hàng	(76.759.581)	-	-	(76.759.581)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.035.481)	-	-	(10.035.481)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	125.623.107	-	-	125.623.107
Kết quả của các hoạt động khác				
Thu nhập khác	48.428.208	-	-	48.428.208
Chi phí khác	(45.194.088)	-	-	(45.194.088)
Lợi nhuận trước thuế	128.857.227	-	-	128.857.227
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	1.160.637	-	-	1.160.637
Lợi nhuận thuần sau thuế	130.017.864	-	-	130.017.864